CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Date: 2026.11.25 16:33:14 +07'00'

DRAGON CAPITAL

# CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
# ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Số :2311/DCVFM.2026

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

*To: Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/ Fund Management company: DCVFM
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)/ Supervisor Bank: Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN30/ ETF name: DCVFMVN30 ETF
- Mã chứng khoán/ Securities code: E1VFVN30
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC
- Điện thoại/ Tel: 84 28 3825 1488 Fax: 84 28 3825 1489
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 23/11/2026
- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương: 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF certificates
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

| STT<br>Order | Mã chứng khoán<br>Securities Code | Số lượng<br>Volume | Tỷ lệ % trong danh mục<br>Weighting |
|---|---|---|---|
| I. | Chứng khoán/ Stock | 3,182,460,000 | 99.28% |
| 1 | ACB | 6,300 | 3.85% |
| 2 | BID | 600 | 0.56% |
| 3 | BSR | 1,100 | 0.81% |
| 4 | CTG | 1,500 | 1.41% |
| 5 | FPT | 4,600 | 6.46% |
| 6 | GAS | 300 | 0.66% |
| 7 | GVR | 500 | 0.43% |
| 8 | HDB | 6,600 | 4.49% |
| 9 | HPG | 14,400 | 9.19% |
| 10 | LPB | 3,200 | 3.42% |
| 11 | MBB | 6,400 | 3.64% |
| 12 | MCH | 700 | 2.88% |
| 13 | MSN | 2,500 | 5.45% |
| 14 | MWG | 3,200 | 7.16% |
| 15 | SAB | 400 | 0.53% |
| 16 | SHB | 4,800 | 1.56% |
| 17 | SSB | 2,400 | 1.12% |
| 18 | SSI | 2,700 | 1.68% |
| 19 | STB | 2,300 | 5.08% |
| 20 | TCB | 7,400 | 4.89% |
| 21 | TCX | 600 | 0.52% |
| 22 | VCB | 1,200 | 1.88% |
| 23 | VHM | 2,300 | 4.33% |
| 24 | VIB | 2,800 | 1.17% |
| 25 | VIC | 1,400 | 10.56% |
| 26 | VJC | 1,100 | 4.71% |
| 27 | VNM | 2,400 | 3.85% |
| 28 | VPB | 7,000 | 4.48% |
| 29 | VPL | 200 | 0.60% |
| 30 | VRE | 2,600 | 1.91% |
| II. | Tiền/ Cash (VND) | 23,193,474 | 0.72% |
| III. | Tổng / Total (=I+II) | 3,205,653,474 | 100% |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 3,182,460,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 3,205,653,474

+ Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 23,193,474

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

**Các trường hợp CKCC trong danh mục được thay bằng tiền (nếu có)/In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):**

| Mã chứng khoán<br>Securities code | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)<br>Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Đối tượng áp dụng<br>Applied to | Lý do<br>Reason |
|---|---|---|---|
| BID | 33,055 | BSC | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a TT121/2020/TT-BTC<br>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC |
| SSI | 22,000 | SSI | Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading |
| GVR | 30,030 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| MWG | 70,870 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

- Các trường hợp CKCC phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/State if component securities shall have corporate action (if any):

- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/The correction and cancellation of transaction errors (if any):

Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/Other relevant information (if any):

| Chỉ tiêu/Criteria | Kỳ này/This period (*)<br>**23/11/2026** | Kỳ trước/Last period (**)<br>**20/11/2026** | Chênh lệch/<br>Changes |
|---|---|---|---|
| 1. Số lô đã phát hành thêm/<br>Creation Units were issued | 5 | 2 | 3 |
| 2. Số lô đã mua lại/<br>Creation Units were redeemed | 12 | 0 | 12 |
| 3. Tổng số lượng ETF niêm yết/Issued ETF | 175,000,000 | 175,700,000 | -700,000 |
| 4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price | 32,450 | 32,500 | -50 |
| 5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: | | | |
| *của quỹ ETF/of the Fund* | 5,625,921,848,334 | 5,638,400,487,818 | -12,478,639,484 |
| *của một lô ETF/per Creation Unit* | 3,205,653,474 | 3,210,934,218 | -5,280,744 |
| *của một chứng chỉ quỹ/per Share* | 32,056.53 | 32,109.34 | -52.81 |
| 6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index (VN30) | 2,206.72 | 2,201.45 | 5.27 |

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/11/2026/(*)The criteria #5 is represented by NAV as at 22/11/2026

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/11/2026/(**)The criteria #5 is represented by NAV as at 19/11/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate;we shall be legally responsible for any mispresentation.

**ĐẠI DIỆN CTCP QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

*Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*Person authorized to disclose information*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

**Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

Ngày ký: 24/11/2026